

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **19** /NQ-HĐND

Hà Nội, ngày **23** tháng 9 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Về nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế- xã hội, thu chi ngân sách, phòng chống dịch bệnh Covid-19 những tháng cuối năm 2021 của thành phố Hà Nội

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Xét các báo cáo của UBND Thành phố, Tòa án nhân dân Thành phố, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố; báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND Thành phố; ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố; ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND Thành phố tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội, dự toán thu, chi ngân sách, công tác phòng, chống dịch Covid-19 trong 8 tháng đầu năm; thông qua nhiệm vụ trọng tâm những tháng cuối năm 2021 của thành phố Hà Nội như các báo cáo của UBND Thành phố trình.

HĐND Thành phố nhấn mạnh, trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 có diễn biến phức tạp, các cấp, ngành, doanh nghiệp và nhân dân Thủ đô cần tập trung phấn đấu cao nhất để hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch năm 2021, trọng tâm là ưu tiên đảm bảo công tác phòng chống dịch Covid-19 tạo tiền đề phát triển kinh tế - xã hội và an sinh xã hội. Cùng với việc tiếp tục thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp của năm đã được xác định trong Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 7/12/2020 của HĐND Thành phố và các giải pháp, nhiệm vụ đã được UBND Thành phố xác định tại các báo cáo với HĐND Thành phố, những tháng cuối năm 2021 cần đặc biệt quan tâm một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Trong công tác phòng chống dịch Covid-19: Thành phố tiếp tục thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Trung ương, đẩy mạnh áp dụng các biện pháp phù hợp với diễn biến tình hình để kiểm soát tốt tình hình dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn Thành phố; đặt mục tiêu chăm sóc, bảo vệ sức khỏe, tính mạng của người dân là trên hết, trước hết; quyết tâm bảo vệ an toàn, bảo đảm ngăn chặn, đẩy lùi, không để dịch bệnh diễn biến phức tạp. Thống nhất quan điểm xuyên suốt “chống dịch như chống giặc”, phát huy vai trò của các cấp ủy, chính quyền cơ sở, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, tuyệt đối không lơ là, chủ quan, mất cảnh giác; tổ chức tiêm vắc xin kịp thời, an toàn theo kế hoạch, đồng thời nghiên cứu mở rộng tiêm vắc xin cho đối tượng dưới 18 tuổi khi đủ điều kiện; nâng cao hiệu quả công tác cách ly,

điều trị; đảm bảo nguồn lực phòng, chống dịch theo phương châm "4 tại chỗ"; đảm bảo vừa phòng, chống dịch hiệu quả, vừa thúc đẩy phục hồi sản xuất, kinh doanh, thực hiện thành công "mục tiêu kép"; chủ động chuẩn bị các phương án cao hơn, đảm bảo công tác khám chữa bệnh và ứng phó nếu tình huống dịch Covid-19 diễn biến phức tạp hơn, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Đồng thời tiếp tục đẩy mạnh triển khai hiệu quả các hoạt động đảm bảo an sinh xã hội, đặc biệt triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách của Trung ương và Thành phố hỗ trợ cho các đối tượng khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, đảm bảo kịp thời, đầy đủ, đúng đối tượng và không để xảy ra trục lợi chính sách. Căn cứ vào khả năng huy động nguồn lực của Thành phố, tiếp tục rà soát, nghiên cứu bổ sung các cơ chế, chính sách đặc thù trong công tác phòng chống dịch Covid-19; bổ sung các chính sách hỗ trợ, động viên các lực lượng tham gia phòng chống dịch, chính sách hỗ trợ người lao động, đối tượng khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh "không để ai bị bỏ lại phía sau trong đại dịch Covid-19".

2. Xây dựng các kịch bản cụ thể trên cơ sở rà soát khả năng, nguồn lực phát triển, xác định các nhóm giải pháp cụ thể cho từng ngành, từng lĩnh vực sản xuất kinh doanh; phân công nhiệm vụ đến từng ngành, đơn vị để triển khai thực hiện, đảm bảo hoàn thành và hoàn thành cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế, xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2021. Tập trung tháo gỡ khó khăn vướng mắc, triển khai kịp thời có hiệu quả các giải pháp hỗ trợ phục hồi và phát triển sản xuất kinh doanh, nhất là đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các hộ kinh doanh cá thể nhằm ổn định duy trì hoạt động, lưu thông cung ứng hàng hóa thiết yếu phục vụ đời sống dân sinh, đáp ứng đầy đủ nguyên vật liệu đầu vào và tạo thuận lợi cho tiêu thụ hàng hóa, góp phần thúc đẩy tăng trưởng sản xuất kinh doanh trong tình hình mới.

Thực hiện có hiệu quả và đảm bảo tiến độ kế hoạch xây dựng nông thôn mới năm 2021; hoàn thành chỉ tiêu tăng thêm 14 xã nông thôn mới, 20 xã nông thôn mới nâng cao, 5 xã nông thôn mới kiểu mẫu. Tăng cường công tác quản lý đất đai và khai thác tài nguyên khoáng sản; kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; đôn đốc nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; tập trung thực hiện công tác đấu giá quyền sử dụng đất theo kế hoạch; giải quyết tồn tại về cấp đất dịch vụ và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các trường hợp còn tồn tại.

3. Tổ chức các hoạt động kỷ niệm ngày lễ lớn của đất nước và Thủ đô trên cơ sở đảm bảo các biện pháp phòng chống dịch Covid-19. Triển khai chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Thủ đô; đẩy mạnh thực hiện Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin Thành phố năm 2021; tập trung triển khai các giải pháp phát triển hạ tầng và các dịch vụ bưu chính, viễn thông trên địa bàn. Triển khai chương trình giáo dục và các nhiệm vụ năm học mới 2021-2022 phù hợp với diễn biến dịch bệnh Covid-19. Thực hiện hiệu quả kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia năm 2021. Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển thị trường lao động; nâng cao hiệu quả hoạt động của 5 sàn giao dịch việc làm và 8 điểm giao dịch việc làm vệ tinh; hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm cho người lao động trong giai đoạn phục hồi sản xuất kinh doanh. Thực hiện các giải pháp đồng bộ giảm nợ bảo hiểm xã hội, mở rộng diện bao phủ, phát triển

đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội. Kiểm soát chặt chẽ vệ sinh an toàn thực phẩm. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh; tổ chức thực hiện đồng bộ các đề án, chương trình về nâng cao sức khỏe và tầm vóc người dân.

4. Hoàn thành nhiệm vụ Quy hoạch thành phố Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, trình Thủ tướng Chính phủ. Tiếp tục thực hiện Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô; xác định các đồ án trọng tâm, cấp thiết thực hiện trong năm 2021, phục vụ yêu cầu quản lý của chính quyền các cấp và đầu tư xây dựng. Đẩy nhanh việc xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển nhà ở giai đoạn 2021-2025. Tiếp tục trồng cây tạo cảnh quan, không gian đô thị; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý duy trì hệ thống chiếu sáng công cộng. Đẩy mạnh triển khai thực hiện kế hoạch hạ ngầm đã được phê duyệt. Hoàn chỉnh phê duyệt Đề án cải tạo xây dựng mới chung cư cũ; tiếp tục đẩy nhanh tiến độ các dự án cấp nước sạch; đôn đốc hoàn thành đầu tư xây dựng các dự án xử lý nước thải trong cụm công nghiệp; duy trì tốt hệ thống quan trắc, cảnh báo ô nhiễm môi trường tự động.

5. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính; rà soát, chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp tổ chức bộ máy các đơn vị thuộc Thành phố; điều chỉnh Đề án vị trí việc làm. Khai thác cơ sở dữ liệu dân cư tập trung để rà soát, cắt giảm, rút gọn các thủ tục hành chính; tập trung cải thiện các chỉ tiêu thành phần các chỉ số SIPAS, PAPI. Triển khai đánh giá Luật Thủ đô và đề xuất xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi). Thực hiện chuyển đổi số một cách toàn diện theo chủ trương của Chính phủ để phát triển kinh tế số, xây dựng xã hội số.

Nâng cao chất lượng giải quyết khiếu nại, tố cáo; phần đầu giải quyết trên 85% số vụ việc thuộc thẩm quyền, tổ chức thực hiện trên 90% quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật, quyết định xử lý tố cáo; chú trọng những vụ việc tồn đọng, khiếu kiện tập trung đông người tiềm ẩn mất an ninh, trật tự.

Thực hiện tốt chính sách dân tộc; xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc miền núi. Đảm bảo nhu cầu sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; hướng dẫn các tổ chức tôn giáo, cơ sở tín ngưỡng, các chức sắc, nhà tu hành thực hiện nghiêm các biện pháp phòng chống dịch Covid-19.

6. Đảm bảo an ninh, an toàn tuyệt đối các sự kiện chính trị trên địa bàn. Tổ chức hiệu quả các đợt tấn công, trấn áp tội phạm, tệ nạn xã hội. Đảm bảo an ninh nông thôn, không để xảy ra điểm nóng. Đảm bảo công tác quốc phòng thường xuyên; củng cố lực lượng, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc. Triển khai hiệu quả công tác phòng chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn. Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện nghiêm các quy định về phòng chống cháy nổ gắn với thường xuyên kiểm tra công tác phòng cháy, chữa cháy.

7. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế. Tăng cường tuyên truyền, quảng bá, nêu bật hình ảnh Thủ đô thân thiện, an toàn, có trách nhiệm gắn với các kết quả tích cực trong phòng, chống dịch Covid-19. Triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung hiệp định CPTPP, EVFTA, EVIPA. Chủ

động phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành Trung ương trong những vấn đề liên quan thực hiện cơ chế, chính sách đặc thù của Thành phố.

8. Tăng cường phối hợp với Thường trực HĐND, Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố, Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố và các tổ chức thành viên, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội thực hiện tốt công tác phòng chống dịch và các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội.

Điều 2. Tán thành những nhiệm vụ, giải pháp điều hành ngân sách những tháng cuối năm 2021 do UBND Thành phố trình và nhấn mạnh nội dung sau:

1. Thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các luật thuế và nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2021, phân đầu hoàn thành dự toán thu ngân sách nhà nước được giao ở mức cao nhất. Thực hiện tốt các giải pháp tháo gỡ khó khăn, ưu đãi về thuế để thúc đẩy sản xuất, kinh doanh: gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất; miễn - giảm thuế, hoàn thuế...theo đúng quy định; đơn đốc thu hồi nợ đọng thuế; tăng cường khai thác nguồn thu ngân sách từ thuế, phí. Rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để thúc đẩy hoàn thành nhiệm vụ thu từ đất (nhất là vướng mắc về quy trình, thủ tục trong việc giao đất, cho thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất, xác định giá đất, nghĩa vụ tài chính đất đai). Thực hiện thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa kịp thời theo quy định của Chính phủ.

2. Quản lý chi ngân sách nhà nước chặt chẽ, tiết kiệm, tiếp tục có phương án điều hành ngân sách chủ động, linh hoạt, đảm bảo đủ nguồn và kịp thời bố trí dự toán cho các khoản chi đầu tư, chi thường xuyên cấp thiết và dự phòng cho việc phòng chống dịch bệnh, thiên tai. Thường xuyên cập nhật tình hình, đánh giá, dự báo sát khả năng thu để có phương án điều chỉnh dự toán chi, điều chỉnh cơ cấu chi ngân sách phù hợp, kịp thời, đáp ứng yêu cầu thực tế, đảm bảo nguồn lực cho công tác phòng chống dịch bệnh, hỗ trợ cho người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 và các chế độ, chính sách Thành phố mới ban hành. Kiểm tra, đơn đốc, xử lý các khó khăn, vướng mắc để thúc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2021.

3. Triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách quy định tại Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội và Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội. Khẩn trương xây dựng quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách và định mức phân bổ chi ngân sách thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025, trình HĐND Thành phố quyết định tại kỳ họp cuối năm 2021 theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 3. Tán thành với đề xuất của UBND Thành phố về các nội dung:

1. Điều chỉnh cơ cấu nguồn sử dụng để chi đầu tư xây dựng cơ bản (XDCB) tại Phụ lục số 04 kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp thành phố Hà Nội năm 2021, cụ thể:

1.1- Chi ngân sách địa phương:

a) Chi đầu tư XDCCB từ nguồn cải cách tiền lương là 1.464.806 triệu đồng (tăng 764.806 triệu đồng).

b) Chi đầu tư XDCCB từ nguồn thu thuế, phí là 13.626.325 triệu đồng (giảm 764.806 triệu đồng).

1.2- Chi ngân sách cấp Thành phố:

a) Chi đầu tư XDCCB từ nguồn cải cách tiền lương là 764.806 triệu đồng (tăng 764.806 triệu đồng).

b) Chi đầu tư XDCCB từ nguồn thu thuế, phí là 8.047.325 triệu đồng (giảm 764.806 triệu đồng).

(Số liệu điều chỉnh theo Phụ lục số 01 kèm theo)

2. Điều chỉnh số liệu quyết toán thu, chi ngân sách thành phố Hà Nội năm 2019 tại Điều 1 và các Phụ lục số 01 đến 05 của Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 07/12/2020 về việc phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách thành phố Hà Nội năm 2019, cụ thể:

(1) Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn: 270.018.836.984.599 đồng

(2) Quyết toán thu, chi ngân sách địa phương:

a) Tổng thu ngân sách địa phương: 182.663.296.237.124 đồng

b) Tổng chi ngân sách địa phương: 152.925.996.263.865 đồng

c) Vay của ngân sách địa phương: 1.984.219.697.583 đồng

d) Trả nợ gốc của ngân sách địa phương: 3.040.032.365.508 đồng

e) Kết dư ngân sách địa phương: 28.681.487.305.334 đồng

(3) Quyết toán thu, chi ngân sách cấp Thành phố:

a) Tổng thu ngân sách cấp Thành phố: 106.241.878.639.014 đồng

b) Tổng chi ngân sách cấp Thành phố: 95.928.319.604.551 đồng

c) Vay của ngân sách cấp Thành phố: 1.984.219.697.583 đồng

d) Trả nợ gốc của ngân sách cấp Thành phố: 3.040.032.365.508 đồng

e) Kết dư ngân sách cấp Thành phố: 9.257.746.366.538 đồng

(Số liệu điều chỉnh theo các Phụ lục số 02 đến 06 kèm theo)

3. Cho phép quận Thanh Xuân được sử dụng 236.380 triệu đồng từ nguồn cải cách tiền lương còn dư của ngân sách cấp quận để chi đầu tư xây dựng cơ bản năm 2021 theo quy định tại Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND Thành phố xây dựng kế hoạch, biện pháp cụ thể, phân công rõ trách nhiệm các cơ quan thực hiện, thời gian hoàn thành để tập trung tổ chức thực hiện trong những tháng cuối năm 2021 hoàn thành mức cao nhất các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2021 theo Nghị quyết HĐND Thành phố.

2. Giao UBND Thành phố căn cứ các chỉ đạo mới của Chính phủ và yêu cầu của thực tế, chủ động rà soát, đề xuất các biện pháp, giải pháp cấp bách phòng, chống dịch bệnh, hỗ trợ phục hồi và phát triển sản xuất kinh doanh bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh, xin ý kiến Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy, đề xuất Thường trực Hội đồng nhân dân hoặc Hội đồng nhân dân quyết định tại kỳ họp gần nhất phù hợp với thẩm quyền quy định tại Nghị quyết số 268/NQ-UBTVQH15 ngày 06/8/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và pháp luật có liên quan.

3. Giao Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu, đại biểu HĐND Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.

4. Đề nghị Ủy ban MTTQ Thành phố tham gia giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết theo chức năng, nhiệm vụ quy định.

HĐND Thành phố kêu gọi các tầng lớp nhân dân, các lực lượng vũ trang, các cấp, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị, xã hội, xã hội nghề nghiệp nỗ lực phấn đấu thi đua hoàn thành thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, thu chi ngân sách năm 2021 của thành phố Hà Nội.

Nghị quyết này đã được HĐND thành phố Hà Nội khoá XVI, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 23 tháng 9 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./. *q*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu thuộc UBTVQH;
- Các bộ, ngành Trung ương;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ TP;
- Đại biểu HĐND TP; các Ban HĐND Thành phố;
- Các Ban Đảng Thành ủy, VP Thành ủy;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND TP, VP UBND TP;
- Các sở, ban, ngành TP;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Công Giao tiếp điện tử TP, Công báo TP;
- Các cơ quan thông tấn báo chí của TP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Tuấn



CHI NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ VÀ NGÂN SÁCH QUẬN HUYỆN NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND thành phố Hà Nội)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Chi ngân sách địa phương	Chi ngân sách cấp Thành phố	Chi ngân sách cấp quận, huyện, thị xã (bao gồm cả cấp XPTT)
	Chi ngân sách địa phương	108.592.991	75.074.600	53.793.761
I	Chi đầu tư phát triển	51.241.326	32.528.326	18.713.000
1	Chi đầu tư XD CB	50.541.326	31.828.326	18.713.000
1.1	Chi XD CB trong nước	42.700.725	23.987.725	18.713.000
	Tr.đó: bổ sung có mục tiêu cho NSQH		4.702.750	
	- Nguồn XD CB tập trung	19.091.131	12.812.131	6.279.000
	+ Trong đó BS từ nguồn CCTL	1.464.806	764.806	700.000
	+ Trong đó BS từ nguồn CPH	4.000.000	4.000.000	
	- Nguồn tiền sử dụng đất	22.700.000	10.266.000	12.434.000
	- Nguồn xổ số kiến thiết	360.000	360.000	
	- Nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW	549.594	549.594	
1.2	Chi XD CB từ nguồn vốn ngoài nước	7.840.601	7.840.601	
	- Chi từ nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu	6.244.401	6.244.401	
	- Chi từ nguồn vay lại ODA	1.596.200	1.596.200	
2	Bổ sung vốn cho các quỹ và ủy thác ngân hàng chính sách xã hội	550.000	550.000	
3	Đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, đầu tư trở lại từ tiền nhà, đất và hỗ trợ các dự án xã hội hóa, thoái trả tiền nhà đất	150.000	150.000	
II	Chi thường xuyên	47.359.116	23.574.051	23.785.065
	Tr.đó: bổ sung có mục tiêu cho NSQH		1.255.928	
III	Chi trả nợ lãi các khoản huy động	439.900	439.900	
IV	Bổ sung quỹ dự trữ tài chính	10.460	10.460	
V	Dự phòng ngân sách	2.650.856	1.612.017	1.038.839
VI	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	6.891.333	2.843.154	4.048.179
	Tr.đó: bổ sung có mục tiêu cho NSQH		250.000	
VII	Chi từ bổ sung mục tiêu của ngân sách cấp trên			6.208.678
VIII	Chi bổ sung cân đối cho ngân sách quận, huyện, thị xã		14.066.692	



Phụ lục số 02

QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019(Kèm theo Nghị quyết số **19**/NQ-HĐND ngày **23/9**/2021 của HĐND thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán
		Trung ương giao	HĐND Thành phố giao	
A	Tổng thu NSNN trên địa bàn	263.111.000.000.000	263.111.000.000.000	270.018.836.984.599
1	Thu nội địa (không kể thu từ dầu thô)	243.776.000.000.000	243.776.000.000.000	247.764.736.182.344
2	Thu từ dầu thô	1.950.000.000.000	1.950.000.000.000	3.305.159.249.321
3	Thu từ xuất khẩu, nhập khẩu	17.385.000.000.000	17.385.000.000.000	18.934.517.224.407
4	Thu viện trợ			14.424.328.527
B	Thu ngân sách địa phương	102.239.878.000.000	102.239.878.000.000	182.663.296.237.124
1	Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp	100.541.791.000.000	100.541.791.000.000	94.397.565.845.914
2	Bổ sung từ ngân sách Trung ương	1.698.087.000.000	1.698.087.000.000	2.636.788.561.637
	- Bổ sung có mục tiêu	1.698.087.000.000	1.698.087.000.000	2.636.788.561.637
3	Thu kết dư ngân sách năm 2018			27.826.304.635.983
4	Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm 2018 sang năm 2019			57.802.637.193.590
C	Chi ngân sách địa phương	105.739.878.000.000	101.045.878.000.000	152.925.996.263.865
I	Chi trong cân đối ngân sách địa phương	105.739.878.000.000	101.045.878.000.000	79.706.385.949.204
1	Chi đầu tư phát triển	47.511.393.000.000	44.917.393.000.000	33.000.638.719.912
2	Chi thường xuyên	49.172.607.000.000	47.472.607.000.000	46.181.902.001.558
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	901.900.000.000	801.900.000.000	513.385.227.734
4	Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính	10.460.000.000	10.460.000.000	10.460.000.000
5	Chi tạo nguồn thực hiện CCTL	5.694.334.000.000	5.694.334.000.000	
6	Dự phòng ngân sách	2.449.184.000.000	2.149.184.000.000	
II	Chi nộp ngân sách cấp Trung ương			19.088.000.000
III	Chi chuyển nguồn ngân sách năm 2019 sang năm 2020			73.200.522.314.661
D	Vay của NSDP	7.310.000.000.000	2.526.000.000.000	1.984.219.697.583
E	Trả nợ gốc của NSDP	3.810.000.000.000	3.720.000.000.000	3.040.032.365.508
F	Kết dư ngân sách địa phương			28.681.487.305.334



QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán
A	Thu NSNN trên địa bàn	263.111.000.000.000	270.018.836.984.599
I	Thu nội địa	243.776.000.000.000	247.764.736.182.344
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý	56.658.000.000.000	51.256.021.207.424
	- Thuế giá trị gia tăng	16.865.000.000.000	14.720.390.927.981
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	4.600.000.000.000	4.073.428.607.849
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.180.000.000.000	30.410.788.452.296
	- Thuế tài nguyên	13.000.000.000	12.977.702.500
	- Thu từ khí và lãi khí được chia	1.000.000.000.000	2.038.435.516.798
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	3.200.000.000.000	2.920.763.610.357
	- Thuế giá trị gia tăng	1.590.000.000.000	1.167.342.202.681
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	350.000.000.000	264.798.166.857
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.150.000.000.000	1.406.216.495.956
	- Thuế tài nguyên	110.000.000.000	82.406.744.863
3	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	27.000.000.000.000	23.681.323.658.184
	Thuế giá trị gia tăng	8.000.000.000.000	6.594.756.846.599
	Thuế tiêu thụ đặc biệt	4.790.000.000.000	3.149.216.310.400
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.200.000.000.000	13.932.901.273.692
	Thuế tài nguyên	10.000.000.000	4.449.227.493
4	Thu từ khu vực CTN, dịch vụ NQD	51.500.000.000.000	47.958.085.581.246
	Thuế giá trị gia tăng	22.600.000.000.000	21.525.797.233.653
	Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.250.000.000.000	1.245.313.509.841
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	27.640.000.000.000	25.175.352.283.906
	Thuế tài nguyên	10.000.000.000	11.622.553.846
5	Lệ phí trước bạ	6.800.000.000.000	7.721.537.975.429
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		108.503.923
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	430.000.000.000	543.736.584.303
8	Thuế thu nhập cá nhân	26.000.000.000.000	24.764.451.221.875
9	Thuế bảo vệ môi trường	8.750.000.000.000	6.510.460.705.096
10	Thu phí và lệ phí	18.300.000.000.000	17.922.772.179.721
	Phí và lệ phí trung ương	17.100.000.000.000	16.829.620.783.017
	Phí và lệ phí địa phương	1.200.000.000.000	1.093.151.396.704
11	Tiền sử dụng đất	25.500.000.000.000	21.974.147.805.025
12	Tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước	1.000.000.000.000	824.380.075.200

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán
13	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	5.000.000.000.000	6.043.229.737.840
14	Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích ... tại xã	130.000.000.000	274.401.137.521
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	20.000.000.000	35.282.052.603
16	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	412.000.000.000	2.951.805.850.028
17	Thu khác ngân sách	8.200.000.000.000	12.520.315.535.128
	+ Thu khác ngân sách	8.200.000.000.000	12.309.158.521.371
	+ Các khoản huy động, đóng góp		211.157.013.757
18	Thu Xổ số kiến thiết	376.000.000.000	277.396.344.114
19	Chênh lệch thu chi NHNN	4.500.000.000.000	19.584.516.417.327
II	Thu từ dầu thô	1.950.000.000.000	3.305.159.249.321
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	17.385.000.000.000	18.934.517.224.407
1	Thuế xuất khẩu	179.000.000.000	88.062.366.612
2	Thuế nhập khẩu	4.780.000.000.000	4.050.591.018.063
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt	220.000.000.000	191.657.911.544
4	Thuế bảo vệ môi trường XNK	6.000.000.000	9.551.960.698
5	Thuế giá trị gia tăng	12.200.000.000.000	14.464.442.696.857
6	Thu khác		130.211.270.633
IV	Thu viện trợ		14.424.328.527
B	Vay của NSNN		1.984.219.697.583
C	Thu kết dư NS năm trước		27.826.304.635.983
D	Thu chuyển nguồn		57.802.637.193.590
E	Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương		2.636.788.561.637



Phụ lục số 04

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết số 19 /NQ-HĐND ngày 23 /9/2021 của HĐND thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán đầu năm	Thực hiện năm 2019
	TỔNG CHI (A+B)	104.765.878.000.000	155.966.028.629.373
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	101.045.878.000.000	152.925.996.263.865
I	Chi đầu tư phát triển	44.917.393.000.000	33.000.638.719.912
1	Chi đầu tư cho các dự án	42.737.393.000.000	31.715.356.574.279
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực		
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề		7.219.036.006.835
-	Chi khoa học và công nghệ		235.866.296.000
2	Chi bổ sung vốn cho các Quỹ, vốn ủy thác	1.880.000.000.000	1.080.000.000.000
3	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	300.000.000.000	13.970.135.413
4	Chi đầu tư phát triển khác		191.312.010.220
II	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	801.900.000.000	513.385.227.734
III	Chi thường xuyên	47.472.607.000.000	46.181.902.001.558
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	14.998.752.000.000	14.809.329.649.166
2	Chi khoa học và công nghệ	980.805.000.000	304.232.020.565
IV	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	5.694.334.000.000	
V	Dự phòng ngân sách	2.149.184.000.000	
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	10.460.000.000	10.460.000.000
VII	Chi chuyển nguồn		73.200.522.314.661
VIII	Chi bổ sung cho cấp dưới		
1	Bổ sung cân đối		
2	Bổ sung có mục tiêu		
IX	Chi hoàn trả ngân sách cấp trên	-	19.088.000.000
B	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP	3.720.000.000.000	3.040.032.365.508

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán đầu năm	Thực hiện năm 2019
	TỔNG CHI (A+B)	56.674.612.000.000	98.968.351.970.059
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	52.954.612.000.000	95.928.319.604.551
I	Chi đầu tư phát triển	25.816.634.000.000	14.563.019.592.359
1	Chi đầu tư cho các dự án	23.636.634.000.000	13.418.460.007.371
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>		
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề		397.273.680.088
-	Chi khoa học và công nghệ		235.866.296.000
-	Chi quốc phòng		178.662.165.250
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội		374.226.879.091
-	Chi y tế, dân số và gia đình		335.441.359.894
-	Chi văn hóa thông tin		32.850.747.501
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn		
-	Chi thể dục thể thao		
-	Chi bảo vệ môi trường		213.079.959.208
-	Chi các hoạt động kinh tế		11.207.817.759.583
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		393.617.612.942
-	Chi bảo đảm xã hội		8.830.513.000
-	Chi đầu tư khác		40.793.034.814
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>		
-	Chi XDCB bằng nguồn vốn trong nước	19.998.478.000.000	10.007.413.259.048
-	Chi XDCB bằng nguồn vốn ngoài nước	3.638.156.000.000	3.411.046.748.323
2	Chi bổ sung vốn cho các Quỹ, vốn ủy thác	1.880.000.000.000	1.080.000.000.000
3	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	300.000.000.000	13.970.135.413
4	Chi đầu tư phát triển khác		50.589.449.575
II	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	801.900.000.000	513.385.227.734
III	Chi thường xuyên	22.192.474.000.000	18.281.189.686.691

STT	Nội dung chi	Dự toán đầu năm	Thực hiện năm 2019
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.162.833.000.000	2.386.463.726.699
2	Chi khoa học và công nghệ	980.805.000.000	304.232.020.565
3	Chi quốc phòng	632.861.000.000	619.421.522.000
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	492.550.000.000	575.270.889.849
5	Chi y tế, dân số và gia đình	3.252.851.000.000	2.987.530.928.709
6	Chi văn hóa thông tin	595.537.000.000	468.608.691.176
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	75.032.000.000	69.028.107.000
8	Chi thể dục thể thao	600.092.000.000	601.882.213.217
9	Chi bảo vệ môi trường	502.720.000.000	489.036.029.446
10	Chi các hoạt động kinh tế	8.802.507.000.000	7.278.630.091.225
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	1.688.140.000.000	1.452.252.951.586
12	Chi bảo đảm xã hội	699.666.000.000	665.852.139.097
13	Chi thường xuyên khác	706.880.000.000	382.980.376.122
IV	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	2.970.618.000.000	
V	Dự phòng ngân sách	1.162.526.000.000	
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	10.460.000.000	10.460.000.000
VII	Chi chuyển nguồn		39.588.548.110.177
VIII	Chi bổ sung cho cấp dưới		22.952.628.987.590
1	Bổ sung cân đối		14.066.692.000.000
2	Bổ sung có mục tiêu		8.885.936.987.590
IX	Chi hoàn trả ngân sách cấp trên		19.088.000.000
B	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP	3.720.000.000.000	3.040.032.365.508

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ VÀ CẤP QUẬN HUYỆN THỊ XÃ NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND thành phố Hà Nội)

Phụ lục số 06

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán đầu năm			Thực hiện năm 2019		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó:	
			NS Thành phố	NSQH (gồm cả NSXP)		NS Thành phố	NSQH (gồm cả NSXP)
	TỔNG CHI (A+B)	104.765.878.000.000	56.674.612.000.000	48.091.266.000.000	155.966.028.629.373	98.968.351.970.059	88.705.900.918.610
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	101.045.878.000.000	52.954.612.000.000	48.091.266.000.000	152.925.996.263.865	95.928.319.604.551	88.705.900.918.610
I	Chi đầu tư phát triển	44.917.393.000.000	25.816.634.000.000	19.100.759.000.000	33.000.638.719.912	14.563.019.592.359	18.437.619.127.553
1	Chi đầu tư cho các dự án	42.737.393.000.000	23.636.634.000.000	19.100.759.000.000	31.715.356.574.279	13.418.460.007.371	18.296.896.566.908
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>						
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề				7.219.036.006.835	397.273.680.088	6.821.762.326.747
-	Chi khoa học và công nghệ				235.866.296.000	235.866.296.000	
2	Chi bổ sung vốn cho các Quỹ, vốn ủy thác	1.880.000.000.000	1.880.000.000.000	-	1.080.000.000.000	1.080.000.000.000	
3	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	300.000.000.000	300.000.000.000	-	13.970.135.413	13.970.135.413	
4	Chi đầu tư phát triển khác			-	191.312.010.220	50.589.449.575	140.722.560.645
II	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	801.900.000.000	801.900.000.000	-	513.385.227.734	513.385.227.734	
III	Chi thường xuyên	47.472.607.000.000	22.192.474.000.000	25.280.133.000.000	46.181.902.001.558	18.281.189.686.691	27.900.712.314.867
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	14.998.752.000.000	3.162.833.000.000	11.835.919.000.000	14.809.329.649.166	2.386.463.726.699	12.422.865.922.467
2	Chi khoa học và công nghệ	980.805.000.000	980.805.000.000	-	304.232.020.565	304.232.020.565	
IV	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	5.694.334.000.000	2.970.618.000.000	2.723.716.000.000			
V	Dự phòng ngân sách	2.149.184.000.000	1.162.526.000.000	986.658.000.000			
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	10.460.000.000	10.460.000.000	-	10.460.000.000	10.460.000.000	
VII	Chi chuyển nguồn				73.200.522.314.661	39.588.548.110.177	33.611.974.204.484
VIII	Chi bổ sung cho cấp dưới			-		22.952.628.987.590	8.301.333.189.402
1	Bổ sung cân đối					14.066.692.000.000	3.203.860.896.975
2	Bổ sung có mục tiêu					8.885.936.987.590	5.097.472.292.427
IX	Chi hoàn trả ngân sách cấp trên	-			19.088.000.000	19.088.000.000	454.262.082.304
B	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSĐP	3.720.000.000.000	3.720.000.000.000		3.040.032.365.508	3.040.032.365.508	